

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ qui định về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý môi trường y tế - Bộ Y tế;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Điều 1. Ban hành danh mục

Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Điều 2. Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa

1. Hàng hóa trong danh mục ban hành kèm theo Thông tư này được quản lý theo qui định tại Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.

2. Hàng hóa được qui định trong danh mục nhưng chưa liệt kê mã số hàng hóa, khi nhập khẩu doanh nghiệp phải cung cấp cho cơ quan hải quan đầy đủ các thông tin của hàng hóa nhập khẩu về thành phần, tác dụng, tài liệu kỹ thuật (nếu có) và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung đã khai báo và sử dụng hàng hóa nhập khẩu đúng mục đích.

3. Trường hợp hàng hóa chưa có mã số trong danh mục, phát sinh vướng mắc hoặc có sự khác biệt trong việc xác định mã số hàng hóa tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này và Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế) để xem xét và quyết định mã số hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Hàng hóa đã làm thủ tục Hải quan trước ngày Thông tư này có hiệu lực, Doanh nghiệp nhập khẩu thực hiện theo qui định tại Thông tư số 12/2016/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế theo mã số HS trong Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế.

Điều 4. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản qui phạm pháp luật và các qui định được viện dẫn trong Thông tư này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản qui phạm pháp luật mới.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2018.

2. Thông tư số 12/2016/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế theo mã số HS trong Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Cục Quản lý môi trường y tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế; Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Cục Quản lý môi trường y tế (Bộ Y tế) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ Khoa giáo- Văn xã, Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các ngành;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ;
- Cổng TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, MT (03b), PC (02b).

KT. BỘ TRƯỞNG
Y THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Long

DANH MỤC
HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN DÙNG TRONG
GIA DỤNG VÀ Y TẾ THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ Y TẾ
ĐƯỢC XÁC ĐỊNH MÃ SỐ HÀNG HÓA THEO DANH MỤC HÀNG HÓA
XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VIỆT NAM

(ban hành kèm theo Thông tư số **09** /2018/TT-BYT ngày **27** tháng **4** năm **2018**)

| TT | Nhóm sản phẩm | Tên sản phẩm/hàng hóa | Mã hàng hóa | Ghi chú |
|----|--|---|-------------|---|
| 1 | Nhang (hương) xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế. | Hương vòng chống muỗi, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g | 3808.61.10 | Chỉ gồm hương (nhang) chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha-cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO) |
| | | Hương chống muỗi không phải dạng hương vòng, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g | 3808.61.90 | |
| | | Hương vòng chống muỗi, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg | 3808.62.20 | |
| | | Hương chống muỗi không phải dạng hương vòng, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg | 3808.62.90 | |
| | | Hương vòng chống muỗi khác (trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.10 hoặc 3808.62.20) | 3808.91.40 | |
| | | Hương (nhang) chống muỗi không phải dạng hương vòng (trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.90, 3808.62.90) | 3808.91.90 | |
| 2 | Tắm tắm hóa chất xua, diệt muỗi (dùng điện hoặc không dùng điện) dùng trong gia dụng và y tế | Tắm tắm hóa chất xua, diệt muỗi (dùng điện hoặc không dùng điện) dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g | 3808.61.20 | Chỉ gồm chế phẩm chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha-cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), |
| | | Tắm tắm hóa chất xua, diệt muỗi (dùng điện hoặc không dùng điện) dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg | 3808.62.30 | |

| TT | Nhóm sản phẩm | Tên sản phẩm/hàng hóa | Mã hàng hóa | Ghi chú |
|----|--|--|-------------|--|
| | | | | malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO) |
| | | Tắm tắm hóa chất xua, diệt muỗi (dùng điện hoặc không dùng điện) dùng trong gia dụng và y tế khác (trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.20 hoặc 3808.62.30) | 3808.91.50 | |
| 3 | Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế. | Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g | 3808.61.40 | Chỉ gồm chế phẩm chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha-cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO) |
| | | Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g có thêm tác dụng khử mùi | 3808.61.50 | |
| | | Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g (trừ loại có các thành phần thuộc các mã 3808.61.40 hoặc 3808.61.50) | 3808.61.90 | |
| | | Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg | 3808.62.50 | |
| | | Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg (trừ loại có các thành phần thuộc mã 3808.62.50) | 3808.62.90 | |
| | | Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg | 3808.69.90 | |
| | | Dung dịch bốc hơi xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế (trừ loại có các thành phần thuộc các mã 3808.61.40, 3808.61.50, 3808.61.90, 3808.62.50, 3808.62.90, 3808.69.90) | 3808.91.90 | |
| 4 | Bình xịt xua, diệt côn trùng dùng trong gia | Bình xịt xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g | 3808.61.30 | Chỉ bao gồm chế phẩm chứa một hoặc nhiều chất gồm: |

| TT | Nhóm sản phẩm | Tên sản phẩm/hàng hóa | Mã hàng hóa | Ghi chú |
|----|---|--|-------------|---|
| | dụng và y tế. | Bình xịt xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg | 3808.62.40 | alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO) |
| | | Bình xịt xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg | 3808.69.90 | |
| | | Bình xịt xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế (trừ loại có thành phần thuộc mã 3808.61.30, 3808.62.40, 3808.69.90) | 3808.91.30 | |
| 5 | Chế phẩm dạng bả (bait), bột, gel, kem, sơn (sơn có chứa hoạt chất xua, diệt côn trùng) xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế | Chế phẩm dạng sơn xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, dạng lỏng và đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g | 3808.61.40 | Chi bao gồm chế phẩm chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha- cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO) |
| | | Chế phẩm dạng bả, bột, gel, kem, sơn xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g và có thêm tác dụng khử mùi | 3808.61.50 | |
| | | Chế phẩm dạng bả, bột, gel, kem, sơn xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g, không ở dạng lỏng và không có tác dụng khử mùi | 3808.61.90 | |
| | | Chế phẩm dạng sơn xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, dạng lỏng và đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg | 3808.62.50 | |
| | | Chế phẩm dạng bả, bột, gel, kem, sơn xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, không ở dạng lỏng và đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg | 3808.62.90 | |
| | | Chế phẩm dạng bả, bột, gel, kem, sơn xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg | 3808.69.90 | |

| TT | Nhóm sản phẩm | Tên sản phẩm/hàng hóa | Mã hàng hóa | Ghi chú |
|----|---|--|-------------|---|
| | | Chế phẩm dạng bả, bột, gel, kem, sơn xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế (trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.40, 3808.61.50, 3808.61.90, 3808.62.50, 3808.62.90, hoặc 3808.69.90) | 3808.91.90 | |
| 6 | Chế phẩm dạng kem xoa, gel, bình xịt, tấm dán, vòng xua côn trùng dùng cho người | Chế phẩm dạng bình xịt xua côn trùng dùng trên người | 3808.91.30 | Tấm tẩy hóa chất để xua côn trùng khác ngoài muối được xếp vào nhóm này |
| | | Tấm dán tẩy hóa chất xua côn trùng dùng trên người | 3808.91.50 | |
| | | Chế phẩm dạng kem xoa, gel, vòng đeo tay tẩy hóa chất dùng trên người | 3808.91.90 | |
| 7 | Chế phẩm màn, rèm, võng, vải, giấy tẩy hóa chất xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế | Màn, rèm, võng, vải, giấy tẩy hóa chất xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g và có thêm tác dụng khử mùi | 3808.61.50 | Chi bao gồm chế phẩm chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha-cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphosmethyl (ISO) hoặc propoxur (ISO) |
| | | Màn, rèm, võng, vải, giấy tẩy hóa chất xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g và không có tác dụng khử mùi | 3808.61.90 | |
| | | Màn, rèm, võng, vải, giấy tẩy hóa chất xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg | 3808.62.90 | |
| | | Màn, rèm, võng, vải, giấy tẩy hóa chất xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg | 3808.69.90 | |
| | | Màn, rèm, võng, vải, giấy tẩy hóa chất xua, diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế (trừ loại có thành phần thuộc các mã 3808.61.50, 3808.61.90, 3808.62.90, hoặc 3808.69.90) | 3808.91.90 | |
| 8 | Chế phẩm phun diệt côn trùng dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay | Chế phẩm dạng dung dịch (không bao gồm dạng huyền phù (SC), nhũ tương (EC), nhũ dầu (EC), nhũ dầu nano (NE), huyền phù vi nang (CS) và các loại huyền phù hoặc nhũ tương khác) dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tấm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g | 3808.61.40 | Chi bao gồm chế phẩm chứa một hoặc nhiều chất gồm: alpha-cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifenthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), |

| TT | Nhóm sản phẩm | Tên sản phẩm/hàng hóa | Mã hàng hóa | Ghi chú |
|----|---------------|---|-------------|--|
| | | Chế phẩm không ở dạng lỏng, có chức năng khử mùi dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tấm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g | 3808.61.50 | etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO) |
| | | Chế phẩm không ở dạng lỏng và không có chức năng khử mùi, để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tấm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g | 3808.61.90 | |
| | | Chế phẩm dạng dung dịch (không bao gồm dạng huyền phù (SC), nhũ tương (EC), nhũ dầu (EC), nhũ dầu nano (NE), huyền phù vi nang (CS) và các loại huyền phù hoặc nhũ tương khác) dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tấm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg | 3808.62.50 | |
| | | Chế phẩm không ở dạng lỏng dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tấm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay, đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg | 3808.62.90 | |
| | | Chế phẩm dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tấm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay và được đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5kg | 3808.69.90 | |
| | | Chế phẩm dùng để phun tồn lưu (bề mặt), phun mù nóng, mù lạnh để diệt côn trùng, tấm màn chống muỗi dùng trong gia dụng và y tế hoặc diệt côn trùng trên máy bay (trừ loại có thành phần thuộc mã 3808.61.40, 3808.61.50, 3808.61.90, 3808.62.50, 3808.62.90, hoặc 3808.69.90) | 3808.91.90 | |

| TT | Nhóm sản phẩm | Tên sản phẩm/hàng hóa | Mã hàng hóa | Ghi chú |
|----|---|--|-------------|--|
| 9 | Chế phẩm diệt bọ gậy dùng trong gia dụng và y tế | Chế phẩm dùng trong nước để diệt bọ gậy muỗi, bao gồm cả chế phẩm chứa vi sinh vật <i>Bacillus thuringiensis israelensis</i> (Bti) | 3808.91.90 | |
| 10 | Chế phẩm diệt khuẩn tay không dùng nước dùng trong gia dụng | Chế phẩm để diệt khuẩn tay dùng trong gia dụng, không bao gồm xà phòng có tác dụng chính là tẩy rửa và chứa thêm chất diệt khuẩn | 3808.94.90 | |
| 11 | Chế phẩm tắm diệt khuẩn cho bệnh nhân, nhân viên trong y tế | Chế phẩm để diệt khuẩn da toàn thân dùng cho bệnh nhân, nhân viên trong y tế đóng gói dạng bình xịt | 3808.94.20 | Không bao gồm xà phòng có tác dụng chính là tẩy rửa và chứa thêm chất diệt khuẩn |
| | | Chế phẩm để diệt khuẩn da toàn thân dùng cho bệnh nhân, nhân viên trong y tế, không đóng gói dạng bình xịt | 3808.94.90 | |
| 12 | Chế phẩm diệt khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ dùng trong gia dụng | Chế phẩm để diệt khuẩn bề mặt, dụng cụ dùng trong gia dụng đóng gói dạng bình xịt | 3808.94.20 | Không bao gồm xà phòng có tác dụng chính là tẩy rửa và chứa thêm chất diệt khuẩn |
| | | Chế phẩm để diệt khuẩn bề mặt, dụng cụ dùng trong gia dụng, không đóng gói dạng bình xịt | 3808.94.90 | |
| 13 | Chế phẩm diệt khuẩn nước trong gia đình | Chế phẩm diệt khuẩn nước sinh hoạt, nước bề bơi trong gia đình | 3808.94.90 | Không bao gồm chế phẩm để diệt khuẩn nước hồ bơi công cộng |
| 14 | Chế phẩm diệt khuẩn da dùng trong y tế | Chế phẩm diệt khuẩn tay cho nhân viên y tế, diệt khuẩn da bệnh nhân | 3808.94.90 | Không bao gồm chế phẩm diệt khuẩn vết thương, niêm mạc dùng cho người; chế phẩm diệt khuẩn da cho bệnh nhân trước, sau khi tiêm; diệt khuẩn vùng da phẫu thuật |
| 15 | Chế phẩm diệt khuẩn bề mặt, không khí dùng trong y tế | Chế phẩm dùng để diệt khuẩn bề mặt, không khí phòng mổ, phòng bệnh trong cơ sở y tế, đóng gói dạng bình xịt | 3808.94.20 | Chế phẩm diệt khuẩn bề mặt dùng trong cả gia dụng và y tế được xếp vào nhóm này |
| | | Chế phẩm dùng để diệt khuẩn bề mặt, không khí phòng mổ, phòng bệnh trong cơ sở y tế, không đóng gói dạng bình xịt | 3808.94.90 | |
| 16 | Chế phẩm diệt khuẩn trên máy bay | Chế phẩm dùng để diệt khuẩn trên máy bay | 3808.94.90 | |